

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh và ban hành Quy chế Công bố thông tin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 3600649539, đăng ký lần đầu ngày 18/0/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 02/07/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc Ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty lần 07 – NK V (2021 - 2026) ngày 20/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là “**Quy chế Công bố thông tin**” Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành được điều chỉnh và bổ sung lần 02.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho các văn bản trước đây có liên quan đến Quy chế Công bố thông tin.

Điều 3. Các Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc các Bộ phận Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

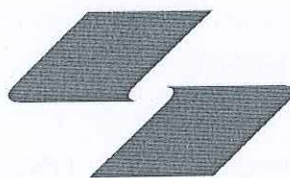


Nguyễn Văn Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----☉ ⊕ ☉-----



SONADEZI
LONG THÀNH
MEMBER OF SONADEZI

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Trụ sở: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251.3514494 – Fax: 0251.3514499

Ban hành, ngày 30 tháng 06 năm 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Tài liệu tham khảo	3
Điều 3. Các chữ viết tắt.....	3
Điều 4. Giải thích từ ngữ.....	4
Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin.....	5
Điều 6. Phương tiện công bố thông tin	6
Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	8
Điều 7. Lưu đồ thực hiện.....	8
Điều 8. Các nội dung công bố thông tin.....	10
Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	10
Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người công bố thông tin và các bộ phận liên quan ... 10	
Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin.....	10
Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm.....	11
Điều 12. Triển khai thực hiện	11
PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÁC BỘ PHẬN LIÊN QUAN	12
PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC	26
PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU	29

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị trực thuộc, các bộ phận, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Người công bố thông tin.
- b) Các bộ phận liên quan gồm: Bộ phận Tài chính-Kế toán, Bộ phận Dự Án, Bộ phận Kinh doanh – Tiếp thị, Bộ phận An ninh – Trật tự, Bộ phận Hành chính – Nhân sự, Cửa hàng xăng dầu, Ban Kiểm soát.
- c) Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 2. Tài liệu tham khảo

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 14 tháng 07 năm 2021;
- Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK HN ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDCK HN ngày 29 tháng 09 năm 2016 của Tổng giám đốc SGDCK HN;
- Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con.
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

Điều 3. Các chữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành



- IDS PLUS : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN.
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- VSD : Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.
- SGDCK/HSX : Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
- CBTT : Công bố thông tin.
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban Kiểm soát.
- CĐL : Cổ đông lớn.
- CTĐC : Công ty đại chúng.
- NGƯỜI NỘI BỘ : Người nội bộ.
- NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN : Người có liên quan.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Người nội bộ của công ty đại chúng là:

- Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do ĐHCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm;
- Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ;
- Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền CBTT.

2. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.

3. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK HN hoặc ngày UBCKNN, SGDCK HN nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
- Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

5. Bản scan văn bản dùng CBTT phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

6. *Dữ liệu điện tử dùng CBTT* là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).
7. *Người công bố thông tin* là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố.
8. *Người có liên quan^[1]* là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
 - b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
 - c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14.
9. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận*: là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Khi công bố thông tin, Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

[¹] Theo quy định tại Khoản 17, Điều 4, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006

4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.
5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc CBTT bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.(*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS Plus.
3	Sở Giao dịch Chứng khoán	Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán – Hệ thống ECM
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5		Báo in, Báo điện tử, v.v...

(*)Lưu ý:

- Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện CBTT trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.
- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

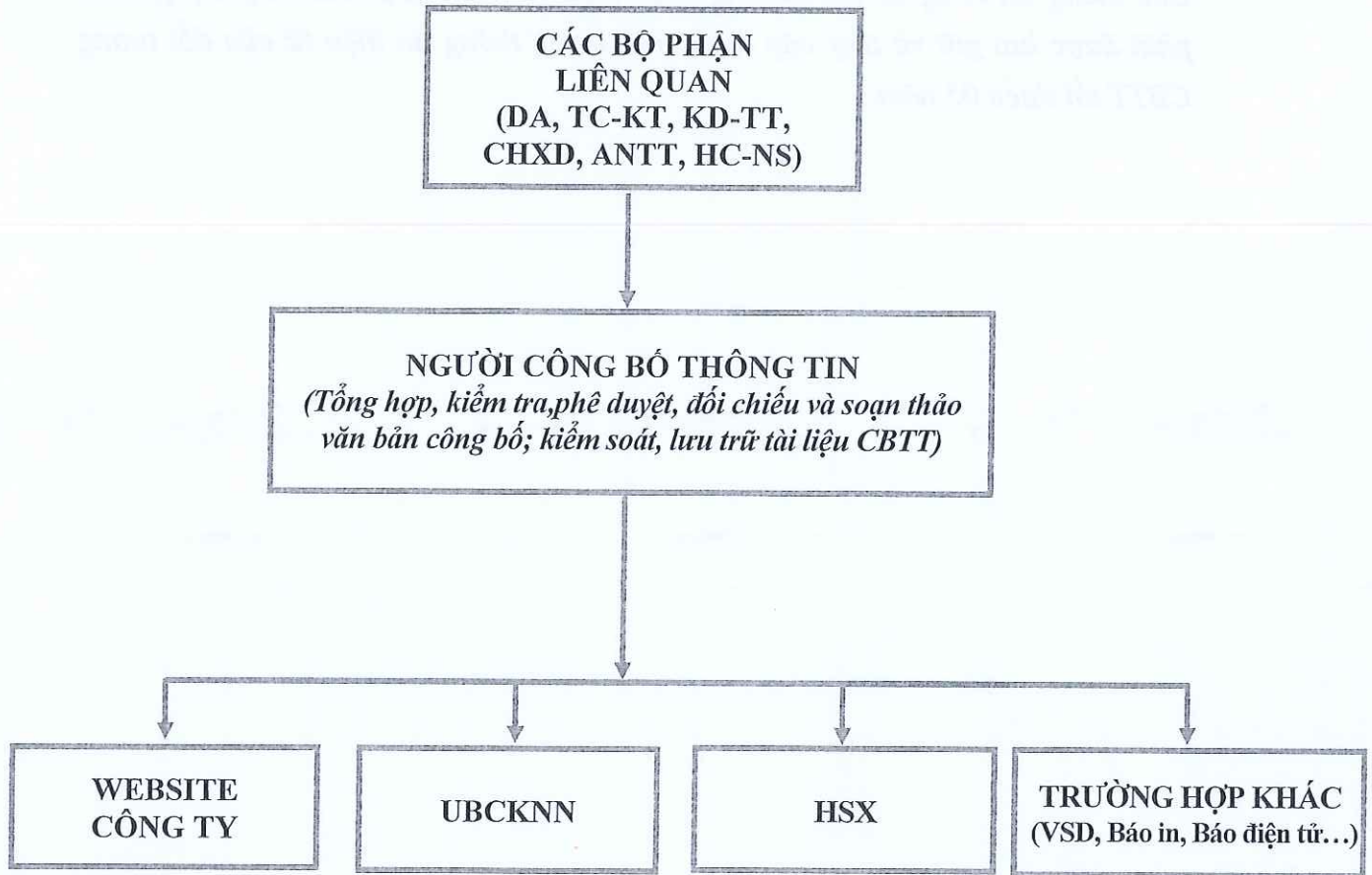
- Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm;
- Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu 05 năm.



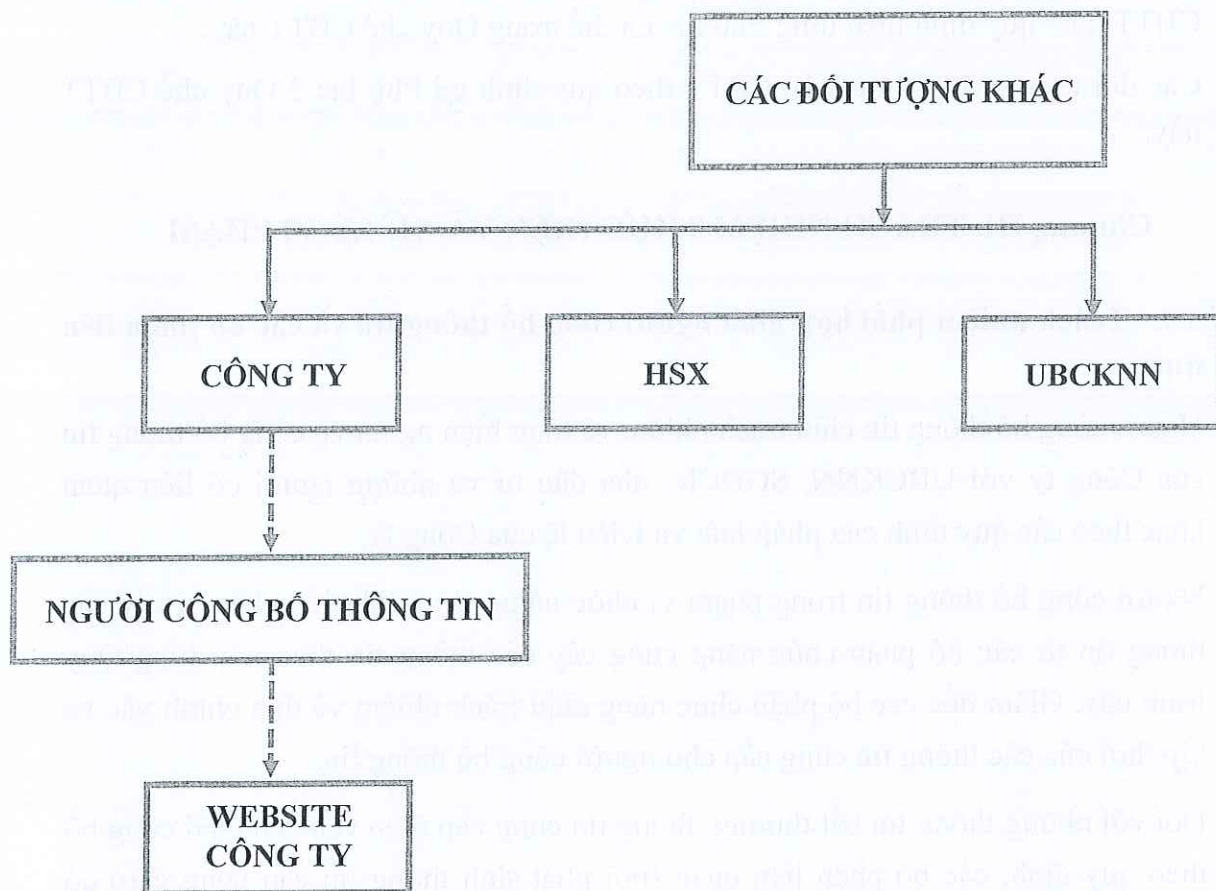
Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Lưu đồ thực hiện

1. Áp dụng đến các bộ phận liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này



2. Áp dụng đối với các đối tượng khác(**)



Ghi chú: : \longrightarrow : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HSX

: \dashrightarrow : Người Công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website công ty.

(**) Đối tượng khác là đối tượng Quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quy chế này gồm Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 8. Các nội dung công bố thông tin

1. Các bộ phận liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 thực hiện CBTT theo quy định theo từng Phụ lục cụ thể trong Quy chế CBTT này.
2. Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 2 Quy chế CBTT này.

Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người công bố thông tin và các bộ phận liên quan

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
2. Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các bộ phận chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy trình này. Giám đốc các bộ phận chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người công bố thông tin.
3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các bộ phận liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người công bố thông tin trong vòng **sáu (6) giờ** kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.
4. Người công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Việc xử lý vi phạm về CBTT được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Tổng Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về công bố thông tin.
4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người công bố thông tin: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc bộ phận: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

Điều 12. Triển khai thực hiện

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.
3. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua.

Nơi nhận:

- TV.HĐQT, BKS;
- Các BP liên quan;
- Người phụ trách CBTT;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tuấn

PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC BỘ PHẬN LIÊN QUAN

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ				
I	Báo cáo tài chính			
1	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính		
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính		
3	Báo cáo tài chính quý	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý.		
4	Báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có)	Trong thời hạn 05 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét		
5	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, công ty đại chúng phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC	Công bố thông tin trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC	BP.Tài chính- Kế toán (BP.TCKT)	

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
6	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp <u>Lưu ý:</u> Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu, phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau: a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.		
II	Báo cáo thường niên			
1	Báo cáo thường niên Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Thư ký công ty	Các BP trong Công ty phối hợp
III	Báo cáo tình hình quản trị công ty			
1	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên/năm	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.	Thư ký công ty	BP.TCKT, BKS phối hợp
2	Bản cung cấp thông tin về Quản trị Công ty theo	Đính kèm Báo cáo quản trị Công ty	Thư ký công ty	

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
IV	file Excel Mẫu 09-CBTT/SGDCK			
1	Đại hội đồng cổ đông Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Thư ký công ty	
2	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ (Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)	Thư ký công ty	
3	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết. Tài liệu chính thức họp ĐHĐCĐ <i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Thư ký công ty	
V	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản			
1	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Thư ký công ty	
2	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến (Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)	Thư ký công ty	
3	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ <i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	Thư ký công ty	

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	<i>việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>			
VI	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài			
1	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này	Công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Thư ký công ty	
VII	Danh sách Cổ đông Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ			
1	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 30/07 (Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/06)		
2	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng cuối năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo (Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/12)	Thư ký công ty	
B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức	Trong thời hạn 24 giờ	Thư ký công ty	

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.			
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	Đối với thông tin công bố về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động, công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin tại sở giao dịch chứng khoán việt nam và công ty con và gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi	Thư ký công ty	
3	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ;	Trong thời hạn 24 giờ	Thư ký công ty	
4	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu;	Trong thời hạn 24 giờ	Thư ký công ty	BP.TCKT phối hợp
5	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán,	Trong thời hạn 24 giờ	Thư ký công ty	BP.TCKT phối hợp

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	phát hành chứng khoán.			
6	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ	Thư ký công ty	BP.TCKT phối hợp
7	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ Đính kèm Biểu mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin tại sở giao dịch chứng khoán việt nam và công ty con.		
8	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;	Trong thời hạn 24 giờ	BP.Tài chính Kế toán	
9	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty	Trong thời hạn 24 giờ Đính kèm Biểu mẫu quy định tại Phụ lục		

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	<p>đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;</p>	<p>IV ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin tại sở giao dịch chứng khoán việt nam và công ty con.</p>		
10	<p>Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;</p>	<p>Trong thời hạn 24 giờ</p>	<p>Các BP HCNS, TCKT, KDĐT, ANTT, DA, CHXD</p>	
11	<p>Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; + Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; + Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu 	<p>Trong thời hạn 24 giờ</p>		



STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	<p>cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;</p> <p>- Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin tại sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con.</p>			
12	<p>Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC</p>	<p>Trong thời hạn 24 giờ</p> <p>Gửi kèm Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC</p>		
13	<p>Đổi với thông tin công bố về thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện:</p>	<p>Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ có hiệu lực</p>		

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
14	<p>+ Công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin tại sở giao dịch chứng khoán việt nam và công ty con</p> <p>+ Gửi kèm bản cung cấp thông tin người nội bộ mới theo Phụ lục III tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC</p> <p>Đối với việc cung cấp thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo Mẫu Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC:</p> <p>- Công ty liệt kê đầy đủ thông tin về họ tên, mối quan hệ của tất cả người có liên quan của người nội bộ theo quy định pháp luật hiện hành (bao gồm cả trường hợp người có liên quan có sở hữu và không sở hữu cổ phiếu) tại Mục 16 mẫu Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC.</p> <p>- Trường hợp người liên quan không thực hiện cung cấp thông tin theo Mục 16, Công ty ghi chú tại trường số 17 Mục 16 Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC, tổ chức đăng ký giao dịch ghi rõ “người liên quan không cung cấp thông tin”.</p> <p>- Trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan đã cung cấp theo Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC, công ty báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán nơi</p>	<p>Gửi kèm quyết định/nghị quyết về việc thay đổi nhân sự</p>		
	<p>Trong vòng 24h kể từ ngày thay đổi</p>			

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	có nghĩa vụ công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin tại sở giao dịch chứng khoán việt nam và công ty con.			
15	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất	Trong thời hạn 24 giờ		
16	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	Thư ký công ty	
17	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;	Trong thời hạn 24 giờ	BP.Tài chính Kế toán	
18	Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;	Trong thời hạn 24 giờ	BP.Tài chính Kế toán	
19	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc	Trong thời hạn 24 giờ	BP.Tài chính Kế toán	

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	đính chính về sự kiện, thông tin đó;			
20	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;	Trong thời hạn 24 giờ	BP.Tài chính Kế toán	
21	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	Trong thời hạn 24 giờ	Thư ký công ty	BP.TCKT phối hợp
22	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;	Trong thời hạn 24 giờ		
23	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ);	Trong thời hạn 24 giờ		
24	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	Trong thời hạn 24 giờ		
	Lưu ý: Đối với các thông tin công bố bất thường khác, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin tại sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con			
C. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU				

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
1	Trong các trường hợp sau đây, công ty đại chúng phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:			
a	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu		
b	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Thư ký công ty	
2	CBTT trong thời hạn 24 giờ kể từ khi giá cổ phiếu doanh nghiệp tăng trần hoặc giảm sàn từ 5 phiên liên tiếp trở lên phải báo cáo, công bố các thông tin liên quan đến công ty có ảnh hưởng đến biến động giá cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ		
D. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CÚOI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU				
1	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSD, báo cáo cho SGDCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	- Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ) - Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác);	Thư ký công ty	
2	Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước		

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	<p>đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy.</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán công bố, công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định. - Trong vòng năm (05) ngày làm việc trước ngày kết thúc thời hạn công bố thông tin quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch là công ty đại chúng quy mô lớn, công ty gửi thông báo đến Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin về việc kết thúc việc công bố thông tin theo quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch là công ty đại chúng quy mô lớn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin tại sở giao dịch chứng khoán Việt nam và công ty con 	<p>ngày đăng ký cuối cùng</p>		
<p>E. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC</p>				
1	<p>Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn</p>	<p>Công ty đại chúng thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử</p>	<p>Thư ký công ty, Các BP liên quan</p>	

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
2	<p>Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ</p>	<p>dùng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ. - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu. 		

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

- Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải CBTT và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong **thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho Công ty, UBCKNN, SGDCK theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này **trong thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

Ví dụ: nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải CBTT và báo cáo công ty X, UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

- Công ty công bố trên website của công ty trong vòng **03 ngày làm việc** sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

2. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của đối tượng này phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK khi **giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi)**, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu) theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này.
- Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK (*Trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai*).

Ghi chú: người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.









- Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về kết quả giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).









3. Ghi chú

- Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định.
- Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.
- Trường hợp công ty mẹ hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ CBTT như quy định đối với người nội bộ.
- Công ty công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ.













PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU

STT	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
1	Mẫu 01 – BCTN	 Mau 01 - BCTN.docx	Báo cáo thường niên (Phụ lục IV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
2	Mẫu 02 – BCCTT	 Mau 02 - BCCTT.docx	Bản cung cấp thông tin người nội bộ (Phụ lục III - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
3	Mẫu 03 – BCQT	 Mau 03 - BCQT.docx	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm (Phụ lục V - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
4	Mẫu 04 - BC	 Mau 04 - BC.docx	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Mẫu số 01 - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)
5	Mẫu 05 - THQ	 Mau 05 - THQ	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (Quyết định 02/QĐ-VSD ban hành ngày 02 tháng 01 năm 2020)
6	Mẫu 06 - DS	 Mau 06 - DS	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn của Công ty đại chúng niêm yết/đăng ký giao dịch (Mẫu 01 - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN)
7	Mẫu 07 - NS	 Mau 07 - NS	Thông báo thay đổi nhân sự (Phụ lục I - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN)
8	Mẫu 08 - Người nội bộ	 Mau 08 - NNB	Danh sách người nội bộ và người có liên quan 0

9	Mẫu 09 - TB	 Mau 09 - NNB	Thông báo thay đổi người có liên quan của người nội bộ (Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN)
10	Mẫu 10 - DKDN	 Mau 10 - DKDN	Thông báo thay đổi GCNĐKDN/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động (Phụ lục III - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN)
11	Mẫu 11 - MHCT	 Mau 11 - MHCT	Thông báo (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN)
12	Mẫu 12 - SLCP	 Mau 12 - SLCP	Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết (Phụ lục V - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN)
13	Mẫu 13 - CBTT	 Mau 13 - CBTT	Công bố thông tin bất thường (Phụ lục VI - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN)
14	Mẫu 14 - QTCT	 Mau 14 - QTCT	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty (Mẫu 09 CBTT/SGDHN - Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
15	Mẫu 15 - KT CBTT	 Mau 15 - CBTT	Thông báo về việc kết thúc nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty đại chúng quy mô lớn (Phụ lục VII - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN)
16	Mẫu 16 - CDL	 Mau 16 - CDL.docx	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn, Nhà đầu tư nắm giữ từ 5% cổ phiếu trở lên/ Chứng chỉ quỹ đóng. (Phụ lục VII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)

C.P. IAN

17	Mẫu 17 - CĐL	 Mau 17 -CDL.docx	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (Phụ lục VIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
18	Mẫu 18 - GD NNB	 Mau 18 -NNB.docx	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của của người nội bộ (Phụ lục XIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
19	Mẫu 19 - GD NNB	 Mau 19 - NNB.docx	Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (Phụ lục XV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
20	Mẫu 20 – CĐL NN	 Mau 20 - CĐL NN	Báo cáo sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng (Phụ lục IX - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
21	Mẫu 21 – CĐL NN	 Mau 21 - CĐL NN	Báo cáo thay đổi sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng (Phụ lục X - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
22	Mẫu 22 – CĐSL	 Mau 22 - CĐSL	Thông báo giao dịch của Cổ đông sáng lập (Phụ lục XI - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
23	Mẫu 23 – CĐSL	 Mau 23 - CĐSL	Báo cáo giao dịch của Cổ đông sáng lập (Phụ lục XI - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
24	Mẫu 24 – BC TTL	 Mau 24 - BC TTL	Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán lãi gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp (Phụ lục VI - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
25	Mẫu 25 – TB QMTP	 Mau 25 - TB QMTP	Thông báo giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan. (Phụ lục XIV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
26	Mẫu 26 – BC QMTP	 Mau 26 - BC QMTP	Báo cáo kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan. (Phụ lục XVI - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)